

Xác định mức lãi suất cho vay tối ưu nhằm phát triển các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam

Ngày nhận: 15/04/2013
 Ngày nhận lại: 24/04/2013
 Ngày duyệt đăng: 26/04/2013
 Mã số: 04-13-BF-09

Lê Văn Luyện
 Học viện Ngân hàng
 luyenvhvn@yahoo.com

Tóm tắt

Bài báo thảo luận về phương pháp xác định lãi suất cho vay tối ưu áp dụng cho các tổ chức tài chính vi mô (TCVM). Trọng tâm của bài viết là vận dụng mô hình xác định lãi suất của CGAP - Nhóm tư vấn hỗ trợ người nghèo thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) - mô hình đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới trong việc tính lãi suất cho vay của các tổ chức TCVM. Mục tiêu của bài báo là muốn cung cấp một góc nhìn khoa học, giúp người đọc hiểu được các tổ chức TCVM, hoạt động của tổ chức này tại VN và đặc biệt là vận dụng mô hình xác định lãi suất của CGAP để áp dụng vào thực tế, góp thêm ý kiến cho các cơ quan ban hành chính sách và các nhà hoạt động thực tiễn. Với phương pháp nghiên cứu định lượng, tính toán dựa trên nguồn số liệu của Mạng lưới TCVM Quốc gia (M7) đã được trình bày trong Hội thảo “Xác định lãi suất bền vững cho các tổ chức TCVM” tổ chức vào tháng 3/2012 tại Hà Nội.

Từ khóa: Tổ chức tài chính vi mô, lãi suất cho vay tối ưu, Nhóm tư vấn hỗ trợ người nghèo (CGAP), Mạng lưới các tổ chức tài chính vi mô (M7), Quỹ tình thương thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ VN (TYM)

Abstract

The paper discusses methods of identifying the optimal lending rate for microfinance institutions and focuses on application of CGAP (Consultative Group to Assist the Poor) model for identifying the lending rate which is internationally applied to calculation of lending rate by microfinance institutions. The paper also aims at providing a scientific overview that may help readers understand microfinance institutions, their operations in Vietnam and ways of applying CGAP lending rate identification model to local conditions, and offer one more option to policy makers and other organizations. The research employs quantitative methods and data presented by M7 group at the workshop “Identification of Sustainable Interest Rate for Microfinance Institutions” held in Hà Nội in march 2012.

Keywords: Microfinance institutions, optimal lending rate, national microfinance network (M7), Affectionate Fund under Vietnam Women's Union

1. Giới thiệu

Trong vài thập kỷ gần đây, hoạt động TCVM đã được biết đến như là một loại hình các tổ chức tài chính quy mô nhỏ để hỗ trợ cho các tầng lớp người nghèo ở địa bàn nông thôn và thành thị. Ở VN, trong những năm gần đây, nhất là kể từ khi có Nghị định số 28/2005/NĐ-CP của Chính phủ, nhiều tổ chức TCVM chính thức và bán chính thức hình thành và hoạt động khá hiệu quả, đóng góp tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn, miền núi. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động còn nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện để có thể phát triển các tổ chức TCVM tại VN một cách bền vững, trong đó có việc xác định mức lãi suất cho vay. Trong nội dung của bài viết này, tác giả muốn bàn đến một chủ đề đang được các tổ chức TCVM rất quan tâm đó là những quy định pháp lý gần đây liên quan đến chính sách về lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước VN (NHNN) ban hành. Chẳng hạn, với Thông tư số 33/2012/TT-NHNN ngày 21/12/2012 quy định lãi suất cho vay bằng VND tối đa là 13%/năm đang gây ra nhiều tranh luận. Hầu hết các tổ chức TCVM đều cho rằng với mức lãi suất cho vay như vậy, không đủ bù đắp chi phí, nên không khuyến khích được các tổ chức TCVM bán chính thức chuyển sang hoạt động chính thức. Với hoạt động TCVM không chính thức như vậy thì các cơ quan quản lý nhà nước khó có thể kiểm soát hoạt động TCVM và sẽ gây nên những hệ lụy khôn lường cho thị trường tài chính. Do đó, đòi hỏi việc ban hành các văn bản pháp lý để điều chỉnh hoạt động TCVM trong thời gian tới cần phải chú trọng hơn đến tính đặc thù của loại hình này.

2. Tổ chức TCVM và lãi suất cho vay tối ưu

2.1. Cơ sở lý luận về tổ chức TCVM

Theo CGAP - Nhóm tư vấn hỗ trợ người nghèo thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) thì “TCVM là việc cung cấp các dịch vụ tài chính cơ bản đáp ứng nhu cầu của người nghèo bao gồm: Gửi tiết kiệm, tín dụng, lương hưu, chuyển tiền, bảo hiểm...”. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thì đưa ra định nghĩa “TCVM là việc cung cấp các dịch vụ tài chính như tiền gửi, cho vay, thanh toán, chuyển tiền và bảo hiểm cho người nghèo và hộ gia đình có thu nhập thấp và các doanh nghiệp nhỏ của họ”.

Ở các nước đang phát triển, nhất là những nước nghèo thời gian qua, TCVM là một công cụ hữu hiệu trong quá trình thực hiện xóa đói giảm nghèo. Thông qua việc cung cấp các dịch vụ TCVM, không chỉ là các dịch vụ tín dụng phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất cho người nghèo mà còn cung cấp các dịch vụ quản lý rủi ro khác. Điều này vừa cho phép người nghèo sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực sẵn có của mình như đất đai, sức lao động nhằm tạo ra thu nhập, cải thiện, nâng cao cuộc sống; TCVM còn góp phần đa dạng các khoản thu nhập cho người nghèo như các khoản thu nhập từ tiểu thủ công nghiệp, thương mại, kinh doanh nhỏ, ngoài những khoản thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Từ đó giúp cho người nghèo tránh, giảm rủi ro về kinh tế và cuộc sống. TCVM ngoài những khía cạnh trên còn là một kênh cung cấp các dịch vụ tài chính cho xã hội, bổ sung thêm một nguồn tài chính lấp đầy khoảng trống cho thị trường tài chính [1] ... Có thể nói rằng, TCVM là loại hình hoạt động vừa mang tính chất của hoạt động trung gian tài chính, ngân hàng vừa mang tính chất hoạt động xã hội. Những cơ sở về đánh giá cũng như quản lý hoạt động TCVM trên thực tế phải dựa trên các tiêu chí cả về hoạt động ngân hàng, tài chính và hoạt động xã hội.

2.2. Lãi suất của tổ chức TCVM và lãi suất cho vay tối ưu

Lãi suất của tổ chức TCVM là các mức lãi suất mà tổ chức TCVM sử dụng để trả cho người gửi tiết kiệm và lãi suất cho vay các đối tượng khách hàng của mình. Các mức lãi suất này tính toán về cơ bản cũng giống như lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng khác, nhưng cần tính đến các yếu tố đặc thù của TCVM như: đối tượng khách hàng, quy mô tiền gửi và cho vay, địa bàn hoạt động, các chi phí khác liên quan mà tổ chức TCVM phải gánh chịu. Lãi suất cho vay tối ưu của tổ chức TCVM là mức lãi suất cho vay của các tổ chức TCVM để đảm bảo cho tổ chức TCVM bù đắp được chi phí và có tích lũy hợp lý, đồng thời đảm bảo được khả năng chi trả của khách hàng vay là những người nghèo.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

Bài viết sử dụng phương pháp định lượng dựa trên mô hình của CGAP về cách xác định mức lãi suất cho vay của tổ chức TCVM. Trong đó, xác định lãi suất cho vay tối ưu (tính theo năm) được thể hiện qua công thức [2]:

$$R = \frac{AE + LL + CF + K - II}{1 - LL}$$

Trong đó :

R : Lãi suất cho vay

AE : Chi phí hành chính

LL: Chi phí mất vốn

CF: Chi phí vốn (có tính yếu tố lạm phát)

K : Hệ số vốn hóa mong muốn (tăng trưởng vốn)

II : Thu nhập từ đầu tư

Mô hình xác định lãi suất của CGAP đã tính đến các yếu tố chi phí đầu vào cần được bù đắp như: Chi phí vốn (lãi suất đầu vào) có tính đến mức lạm phát, chi phí hành chính và các khoản cần được bù đắp để duy trì hoạt động của tổ chức như chi phí mất vốn (do rủi ro), hệ số vốn hóa, thu nhập hợp lý để tích lũy cho tổ chức TCVM.

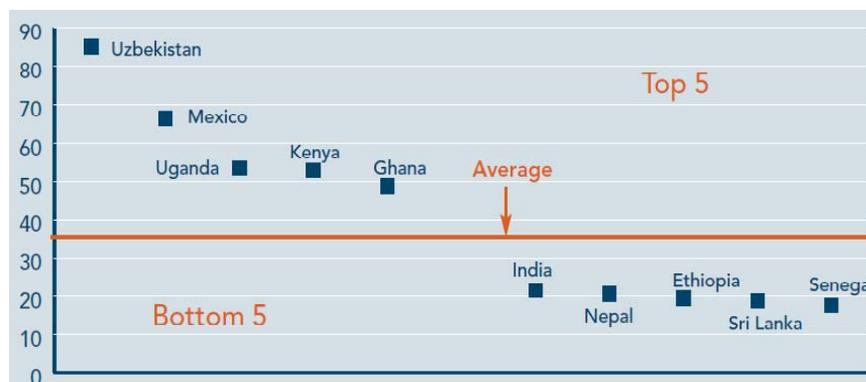
Dữ liệu để đưa vào tính toán là nguồn số liệu trong những năm gần đây của tổ chức Microfin - tổ chức TCVM tại Nam Mỹ và của các nước như Mexico, Uganda, Kenya, Uzbekistan, Ấn Độ, Srilanka, Senegan... là những nước có hệ thống TCVM khá phát triển. Riêng ở VN, tác giả sử dụng nguồn số liệu của 2 tổ chức TCVM chính thức là Quỹ tình thương thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ VN (TYM) và Mạng lưới các tổ chức TCVM (M7).

Theo CGAP, lãi suất cho vay người nghèo thường rất cao so với lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại (NHTM). Do đặc điểm của các món vay cho người nghèo thường có mức độ rủi ro cao, món vay nhỏ nên chi phí thường cao hơn chi phí cho vay khách hàng của NHTM. Chi phí trên một đồng vốn vay, chi phí thẩm định hồ sơ vay vốn, chi phí quản lý, chi phí huy động tiền gửi từ khách hàng nghèo của tổ chức TCVM cao hơn nếu so sánh với NHTM. Bản thân tổ chức TCVM không có địa điểm kinh doanh thuận lợi như NHTM, cán bộ của tổ chức TCVM phải xuống từng địa bàn, từng hộ gia đình huy động tiết kiệm nhỏ lẻ và tiến hành công việc cho vay. Bên cạnh việc cung cấp tín dụng, tổ chức TCVM còn cung cấp những hỗ trợ phi tài chính khác nên chi phí hoạt động

cũng theo đó tăng lên. Những chi phí liên quan bao gồm chi phí thành lập tổ nhóm, giáo dục kiến thức về tài chính, kiến thức xã hội..., đây là những chi phí mà NHTM không phải gánh chịu và hầu như cũng không có những chi phí phát sinh dưới dạng này. Chính vì sự khác biệt giữa hoạt động TCVM với tín dụng ngân hàng thông thường nên lãi suất của TCVM và tín dụng ngân hàng có sự chênh lệch rất lớn. Trên cơ sở lý thuyết và những kinh nghiệm đúc kết về hoạt động TCVM ở khắp nơi trên thế giới, CGAP đã khuyến nghị trong việc xác định lãi suất cho vay của tổ chức TCVM. Mức lãi suất đưa ra một mặt đảm bảo cho tổ chức TCVM bù đắp được chi phí hoạt động, quản lý, chi phí lạm phát... mà vẫn đảm bảo được khả năng chi trả của khách hàng nghèo được gọi là lãi suất tối ưu (hay lãi suất bền vững). Thực tế trên thế giới, áp dụng vào tình huống cụ thể để tính lãi suất bền vững cho Microfin - tổ chức TCVM tại Nam Mỹ [3]. Số liệu tài chính của Microfin được công bố năm 2012: AE = 0,25; LL = 0,02; CF = 0,21; K = 0,16; II = 0,015, thay các dữ kiện vào công thức tính R:

$$R = \frac{0,25 + 0,02 + 0,21 + 0,16 - 0,015}{1 - 0,02} = 0,638$$

Như vậy, kết quả lãi suất cho vay của Microfin sẽ là 0,638 (63,8%) dựa trên số liệu về tài chính của tổ chức này. Điều này cũng có nghĩa rằng Microfin sẽ tiến hành cho khách hàng của mình vay với lãi suất khoảng 64%/năm và tính theo tháng là 5,3%. Nhưng cũng có một lưu ý rằng, các tổ chức TCVM ở khu vực Nam Mỹ thường quy định mức lãi suất rất cao cho khách hàng của mình. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của chính phủ (Thuế VAT cao, không có tài trợ...). Mức lãi suất năm 2008 của các tổ chức TCVM (Hình 1) [4] ở Mexico trên mức 65%, mức thấp hơn là Uganda và Kenya (trên 50%), đặc biệt Uzbekistan là 80%. Những nước khác như Ấn Độ, Srilanka, Senegal lại thấp hơn các nhóm trên rất nhiều (phổ biến từ 17 đến 20%). Từ mô hình xác định lãi suất của CGAP, năm 2008 mức lãi suất cho vay trung bình của các tổ chức TCVM áp dụng là 35%/năm (Hình 1) và cho đến nay vẫn ít thay đổi, mức này sẽ được điều chỉnh qua thời gian dựa trên các biến số trong mô hình để xác định mức lãi suất cho vay phù hợp nhất.



Hình 1. Lãi suất của các tổ chức TCVM ở một số nước trên thế giới năm 2008

Nguồn: Nhóm hỗ trợ người nghèo của Ngân hàng Thế giới

4. Các tổ chức TCVM tại VN và ứng dụng xác định lãi suất cho vay

4.1. Các tổ chức TCVM tại VN và các dịch vụ tài chính

Tại VN, TCVM đã xuất hiện từ khá lâu dưới dạng các khoản cho vay nhỏ từ những gia đình khá giả đối với các hộ gia đình nghèo ở nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống như con giống vật nuôi, giống cây trồng, hay nhu cầu sinh sống, chi tiêu vào những lúc giáp hạt, thiên tai, hỏa hoạn... Đến những năm 1980, một số tổ chức TCVM bán chính thức mới ra đời thông qua các chương trình hỗ trợ, hợp tác kinh tế, xã hội của các tổ chức quốc tế như SIDA (Thụy Điển), ActionAid... cho VN. Đến năm 2005, Nghị định số 28/2005/NĐ-CP đã tạo khuôn khổ pháp lý đầu tiên cho hoạt động của các tổ chức TCVM và tiếp đó là Nghị định số 165/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung cho Nghị định số 28 đã đòi hỏi các tổ chức TCVM chuyển đổi về cơ cấu tổ chức và hoạt động cho phù hợp để phát triển bền vững. Cho đến nay, các tổ chức TCVM chính thức đã hoạt động tại VN như Quỹ tình thương (TYM) thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Mạng lưới các tổ chức TCVM M7 gồm 7 thành viên, Quỹ trợ vốn cho người nghèo tự tạo việc làm (CEP), và nhiều tổ chức TCVM bán chính thức đang hoạt động như TCVM Tiền Giang, Thanh Hóa...

Về các dịch vụ của tổ chức TCVM VN hiện nay, theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, tổ chức TCVM “là loại hình tín dụng chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ”. Các dịch vụ của tổ chức TCVM tại VN thực tế cung cấp gồm các dịch vụ: Tiền gửi tiết kiệm, cho vay, thanh toán, chuyển tiền, bảo hiểm... và các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khác cho người nghèo và hộ gia đình nghèo, người có thu nhập thấp.

Cụ thể, tình hình hoạt động của các tổ chức TCVM ở VN ngoài các tổ chức chính thức như TYM, CEP có quy mô tương đối lớn thì các tổ chức TCVM bán chính thức dưới dạng các quỹ như Quỹ phát triển phụ nữ ở (PTPN) địa phương có quy mô rất nhỏ thể hiện qua số liệu sau:

- *Về vốn tự có:* Tính đến cuối năm 2012, vốn tự có của các tổ chức còn rất khiêm tốn, như Quỹ hỗ trợ phụ nữ Thanh Hóa chỉ có khoảng 20 triệu đồng, thậm chí có quỹ rất nhỏ như Quỹ PTPN Bình Phước chỉ có chưa đầy 10 triệu đồng, các quỹ khác cũng tương tự trên dưới 10 triệu đồng.

- *Về huy động tiền gửi tiết kiệm (bao gồm: huy động tiết kiệm bắt buộc và tiết kiệm tự nguyện từ các thành viên của tổ chức):* Tính đến cuối năm 2012, số tiền huy động tiết kiệm bắt buộc để hình thành quỹ cho vay cũng chỉ từ vài triệu đồng (như Quỹ PTPN Ưông Bí trên 9 triệu đồng), cao hơn đến vài chục triệu (như Quỹ Hải Phòng trên 80 triệu đồng). Bên cạnh đó, nguồn huy động tiết kiệm tự nguyện thường đạt rất thấp, trong đó mức cao nhất là Quỹ Hải Phòng khoảng trên 70 triệu đồng, còn đa phần là từ 10 đến 40 triệu đồng.

- *Về cho vay:* Mức cho vay của các tổ chức TCVM VN đối với từng khách hàng bình quân chỉ vài triệu đồng, thậm chí chưa đến 1 triệu đồng. Đến hết năm 2012, ngoại trừ TYM và CEP thì tổng dư nợ cho vay của tổ chức TCVM khác cũng chỉ dừng ở mức vài chục triệu đồng, chẳng hạn các tổ chức có dư nợ cao như Quỹ PTPN Hải Phòng gần 60 triệu, Quỹ PTPN Hà Tĩnh gần 58 triệu, thậm chí có quỹ chỉ chưa đầy 10 triệu đồng như Quỹ Bình Minh. Trong khi đó, số dư nợ này lại rải ra trên một số lượng khách rất lớn như: Quỹ Hải Phòng là trên 9.000 khách hàng, Quỹ Hà Tĩnh với gần 26.000 khách hàng, Quỹ Bình Minh với gần 5.000 khách hàng. Điều đó có nghĩa là bình quân một khách hàng chỉ vay khoảng 2 triệu đồng.

- *Về hoạt động thanh toán và bảo hiểm:* Hiện tại một số tổ chức TCVM đang bước đầu triển khai dịch vụ thanh toán như chuyển tiền, chi trả hộ khách hàng các khoản có liên quan đến các ngân hàng, kho bạc nhà nước. Về hoạt động bảo hiểm hiện tại VN đang trong quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách để các tổ chức TCVM có thể làm đại lý bảo hiểm cho các công ty bảo hiểm.

4.2. Phân tích lãi suất áp dụng đối với dịch vụ tài chính của các tổ chức TCVM tại VN

Trong thực tế hiện nay đang có một số bất cập trong công tác quản lý, ban hành chính sách điều chỉnh hoạt động của các tổ chức TCVM, sự bất cập trong việc đánh giá đúng bản chất về hoạt động, chi phí, lãi suất... giữa các loại hình tín dụng nói chung và tín dụng của các tổ chức TCVM nói riêng. Đối với các cơ quan tham mưu cho Chính phủ trong việc ban hành văn bản dưới Luật để hướng dẫn hoạt động của các tổ chức TCVM, cần có sự phân định loại hình tổ chức tín dụng phục vụ cho đối tượng nghèo như TCVM và loại hình tín dụng thông thường. Người nghèo ngoài nhu cầu sử dụng vốn vay rất cần những hỗ trợ khác như kỹ thuật sản xuất, kiến thức quản lý tài chính và sử dụng vốn vay... Khi các tổ chức TCVM cung cấp dịch vụ tài chính thường đồng thời cung cấp những dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ mang tính chất xã hội. Chính vì đặc điểm của cung cấp dịch vụ TCVM rất khác so với việc cung cấp dịch vụ tín dụng ngân hàng thông thường nên đòi hỏi cần phải có những quy định pháp lý phù hợp hơn đối với loại hình dịch vụ TCVM.

Thông tư số 33/2012/TT-NHNN được NHNN ban hành ngày 21/12/2012 (gọi tắt là Thông tư 33) về “Quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng Đồng VN của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế”. Theo nội dung của Thông tư, tại khoản 1, Điều 1 “Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng Đồng VN tối đa là 12%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức TCVM ấn định lãi suất cho vay bằng Đồng VN tối đa là 13%/năm”. Thông tư 33 có hiệu lực thi hành từ ngày 24/12/2012 và thay thế cho các Thông tư trước đó của NHNN là Thông tư số 14/2012/TT-NHNN và Thông tư số 20/2012/TT-NHNN sửa đổi những quy định của Thông tư số 14. Với việc quy định cụ thể trong Thông tư 33 về lãi suất cho khách hàng vay tối đa không quá 13%/năm, tổ chức TCVM thực sự rơi vào tình thế khó khăn bởi vì mức lãi suất tối đa theo quy định của NHNN hiện đang thấp hơn rất nhiều so với mức lãi suất mà các tổ chức TCVM đang cho khách hàng của mình vay vốn. Ngoài ra, về cách tính lãi theo Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/05/2001 của NHNN, theo đó tổ chức TCVM được tính lãi theo dư nợ giảm dần (lãi trừ lùi). Cách tính toán này thực tế phù hợp với các NHTM nhưng với các tổ chức TCVM và khách hàng nghèo rất khó thực hiện. Do dư nợ của khách hàng nghèo rất nhỏ chỉ từ 500 nghìn đến vài triệu đồng, việc tính toán trả lãi và gốc thường rất lè, món vay lớn cũng chỉ chục triệu đồng. Cách tính này sẽ gây khó khăn cho khách hàng tính toán số tiền phải trả theo các kì và tổ chức TCVM cũng khó khăn trong việc giám sát món vay, thu nợ và hạch toán.

Mặc dù trên thị trường hiện mới chỉ có hai tổ chức TCVM là TYM và M7 phải chịu sự điều chỉnh của Thông tư 33, nhưng trong thời gian tới sẽ có nhiều tổ chức khác cũng đang hoàn thiện chờ cấp phép trở thành tổ chức tài chính quy mô nhỏ chính thức và chịu sự điều chỉnh tương tự như TYM, M7 đó là: Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo Thanh Hóa, TCVM Tiền Giang (MOM), Quỹ trợ giúp lao động nghèo của TP.HCM (CEP)... Chính sách lãi suất được quy định có thể là một trở ngại trong việc chuyển lên hoạt động chính thức và mang tính chuyên nghiệp hơn của các tổ chức TCVM bán chính thức tại VN. Vậy tại sao lãi suất của các tổ chức TCVM lại có sự chênh lệch lớn như vậy? Mức lãi suất thực tế được tính dựa trên những cơ sở nào? Để thay cho câu trả lời, tác giả đã dựa trên mô hình của CGAP để kiểm định.

4.3. Kiểm định lãi suất dựa trên mô hình CGAP

Lãi suất cho vay của các tổ chức TCVM như TYM và M7 nếu tính theo cách xác định mà CGAP đưa ra đều ở mức trên 30%. Cụ thể, theo số liệu năm 2012 của M7 [5], $AE = 0,142$; $LL = 0,01$; $CF = 0,057$; $K = 0,1$; $II = 0$, tính ra $R = 0,0311$ (31,1%/năm hay 2,61%/tháng). Với mức lãi suất trên 30%/năm, những tổ chức như M7, TYM mới có khả năng trang trải chi phí hoạt động, tình trạng mất vốn, tác động của lạm phát và có thể phát triển bền vững. Một số tổ chức TCVM bán chính thức đang chuẩn bị chuyển đổi sang chính thức như trường hợp của TYM, M7 hiện đang cung cấp các khoản tín dụng cho khách hàng với lãi suất trên 24% (hay 2%/tháng). Mức lãi suất này thấp hơn so với các tổ chức TCVM chính thức bởi do họ chưa hạch toán đầy đủ chi phí hoạt động, nhất là những hoạt động có liên quan, bởi kết hợp với hoạt động của các cấp của Hội phụ nữ thường vẫn có tính bao cấp nhất định. Khi chuyển đổi thành tổ chức TCVM chính thức, những hoạt động TCVM sẽ phải tách bạch khỏi hoạt động của các cấp Hội và hạch toán đầy đủ, mức chi phí hoạt động sẽ tăng lên và được thể hiện trong chi phí hoạt động của tổ chức TCVM. Do đó những tổ chức bán chính thức cũng dần phải xây dựng cho mình mức lãi suất phù hợp để trở nên tự vững trong hoạt động và quản lý của mình.

4.4. Những tác động của chính sách trần lãi suất hiện nay đối với hoạt động của các tổ chức TCVM tại VN

Để đáp ứng yêu cầu của NHNN về trần lãi suất cho vay theo Thông tư số 33, các tổ chức TCVM cần tính toán lại chi phí hoạt động và quản lý của tổ chức mình. Nếu theo số liệu năm 2012 của M7, việc tính toán chi phí hoạt động kết quả sẽ cho thu nhập trước thuế bị giảm là 14.457 triệu đồng, lợi nhuận (-)12.073 triệu đồng. Trong khi nếu M7 được xác định chi phí và tính lãi theo Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc NHNN, lợi nhuận của tổ chức sẽ đạt được mức 14.457 triệu đồng, còn nếu áp dụng mức lãi suất theo CGAP thì lợi nhuận dự kiến còn cao hơn nữa. Bên cạnh đó, theo Thông tư 33 để tiết giảm chi phí cho mức lợi nhuận không âm, tổ chức này phải cắt giảm 69% chi phí, cắt giảm toàn bộ chi phí phi tài chính... sẽ có khoảng 15.300 khách hàng nghèo không thể tiếp cận vốn vay do tác động của chính sách điều chỉnh mới. Để giúp cho các tổ chức như M7, TYM và nhiều tổ chức TCVM trong thời gian tới được tiến hành hoạt động một cách thuận lợi và tạo điều kiện giúp đỡ người nghèo nhiều hơn nữa, rõ ràng chính sách về quản lý của Chính phủ mà trước mắt là quy định liên quan đến lãi suất của tổ chức TCVM cần phải thay đổi.

5. Kiến nghị

Từ những cơ sở lý thuyết và thực tế minh chứng trong các phân tích trên, tác giả đưa ra một số kiến nghị:

Thứ nhất, khi quy định trần lãi suất cho vay của các tổ chức TCVM tại VN, cần dựa trên mô hình về cách xác định mức lãi suất tối ưu của CGAP, nhằm đảm bảo cho các tổ chức này bù đắp đủ các chi phí và có tích lũy hợp lý, đồng thời cũng phù hợp với khả năng và phương thức trả nợ của các đối tượng khách hàng, từ đó sẽ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của các tổ chức TCVM. Vì nếu áp dụng mức lãi suất trần quy định như hiện nay có thể có lợi cho người vay vì được hưởng mức lãi suất thấp, nhưng sẽ không đủ bù đắp chi phí cho tổ chức TCVM. Từ chỗ thu không đủ bù đắp chi phí, vốn của tổ chức sẽ dần cạn kiệt và không thể tiếp tục duy trì tổ chức được nữa trong khi nguồn vốn lại chủ yếu từ nguồn tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện của các thành viên tham gia tổ chức. Với cách áp dụng mức lãi suất cho vay tối ưu của CGAP sẽ tạo điều kiện để thúc đẩy hệ thống các tổ chức

TCVM chính thức phát triển và góp phần phát triển thị trường tài chính khu vực nông thôn, đóng góp tích cực vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Thứ hai, tiếp tục để cho các tổ chức TCVM được áp dụng lãi suất thỏa thuận mà Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 12/04/2010, tức là mức lãi suất xác định theo cung cầu của thị trường có khống chế mức trần lãi suất cho vay tối ưu tính theo mô hình CGAP. Tổ chức TCVM trên cơ sở cấu trúc hoạt động, chi phí của mình để xác định mức lãi suất cho vay phù hợp với khách hàng của các tổ chức TCVM. Vì với cách áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận như vậy nhằm kích thích các tổ chức TCVM từng bước cải tiến quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao uy tín để thu hút nguồn vốn với chi phí thấp. Đồng thời tùy theo tình hình nguồn vốn của tổ chức mình và nhu cầu vay của khách hàng để đưa ra mức lãi suất cho vay hợp lý, vừa tránh lãng phí do ứ đọng vốn vừa quan tâm tới hiệu quả sử dụng tiền vay của khách hàng để lựa chọn.

Thứ ba, cho phép tổ chức TCVM áp dụng cách tính lãi ngang bằng giữa các kỳ để đơn giản và dễ thực hiện hơn cho cả khách hàng và tổ chức TCVM. Chẳng hạn, một khoản vay của khách hàng là 10 triệu đồng trong một năm, với lãi suất 12%/năm như hiện nay (tổng lãi phải trả cả năm là 1,2 triệu đồng). Tổ chức TCVM sẽ tính toán phương án trả nợ gốc và lãi theo kỳ (24 kỳ tức là một tháng 2 kỳ) như sau (Bảng 1):

Bảng 1. Phương pháp tính lãi bằng của tổ chức TCVM

ĐVT: 1.000 đồng

Số kỳ	Số tiền trả nợ gốc	Số tiền trả nợ lãi	Tổng
1	409	50	459
2	417	50	467
3	417	50	467
.	.	.	.
.	.	.	.
.	.	.	.
24	417	50	467
Tổng	10.000	1.200	11.200.000

Nếu theo cách tính trên, hàng tháng khách hàng của tổ chức TCVM phải trả nợ hai kỳ tương đương số tiền $467 \times 2 = 934$ nghìn đồng, riêng kỳ đầu tiên tổ chức TCVM điều chỉnh mức trả gốc chỉ có 409 nghìn đồng do số chia ra bị lẻ. Nếu dựa trên cách tính này, khách hàng của tổ chức TCVM sẽ chỉ cần nhớ tổng số tiền mà họ phải trả từng kỳ là 467 nghìn hay theo tháng là 934 nghìn mà không mấy khó khăn. Bản thân tổ chức TCVM cũng dễ dàng khi hạch toán vào sổ sách và sử dụng phần mềm nghiệp vụ hàng ngày, còn nhà quản lý cũng dễ nắm bắt thông tin hoạt động của tổ chức mình. Vì với mặt bằng trình độ quản lý và kế toán của cả các tổ chức TCVM và trình độ hiểu biết của khách hàng vay thì cách tính và thu lãi như vậy vừa dễ nhớ, dễ hiểu và dễ áp dụng, nhưng cũng không ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của tổ chức TCVM.

Thứ tư, những quy định pháp lý liên quan đến việc xác định cách tính lãi, hạch toán... đối với tổ chức TCVM cần tính đến những đặc thù về địa bàn hoạt động của các tổ chức này, cũng như những đặc thù của loại hình tín dụng cho người nghèo. Hiện nay, mạng lưới của TYM chủ yếu hoạt động ở địa bàn các tỉnh đồng bằng như: Hà Nội, Vĩnh Phúc, trong khi mạng lưới M7 lại ở những vùng miền núi như Điện Biên, Sơn La. Đối với M7 khi thiết kế sản phẩm tín dụng, cơ sở tính toán chi phí, phương pháp thu hồi vốn có sự khác biệt đáng kể so với TYM. Chẳng hạn, việc thu hồi nợ của M7 thường mỗi tháng chỉ tiến hành được một lần, trong khi TYM có thể diễn ra hàng tuần. Nhưng nhìn chung các tổ chức TCVM đều thiết kế chia nhỏ khoản nợ ra trả làm nhiều lần là một cách thức phù hợp để tạo điều kiện cho người nghèo có khả năng trả nợ, cũng như thúc đẩy họ có ý thức cố gắng để tìm việc làm, tìm phương pháp làm việc để thay đổi cuộc sống của chính bản thân họ. Chính vai trò tích cực của TCVM đối với thị trường tài chính nông thôn và công cuộc xóa đói giảm nghèo thời gian qua, VN cần phải có những chính sách thuận lợi hơn nữa nhằm giúp đỡ cho TCVM phát triển ■

Chú thích

- [1] Nguyễn Kim Anh & cộng sự (2012), *Phát triển TCVM ở khu vực nông nghiệp, nông thôn*, Đề tài khoa học cấp ngành, Mã số: KNH 2009-06.
- [2] <http://www.cgap.org/publications/variations-microcredit-interest-rates>
- [3] Lê Lâm (2013), “Vấn đề lãi suất và TCVM”, bài trình bày trong Hội thảo “Xác định lãi suất bền vững cho các tổ chức TCVM” do nhóm công tác TCVM tổ chức vào tháng 3/2012 tại Hà Nội.
- [4] <http://www.cgap.org/sites/default/files/CGAP-Brief-Variations-in-Microcredit-Interest-Rates-Jul-2008.pdf>
- [5] Nguyễn Đức Bình (2013), “Xác định lãi suất của M7-MFI”, bài trình bày trong Hội thảo “Xác định lãi suất bền vững cho các tổ chức TCVM” do nhóm công tác TCVM tổ chức vào tháng 3/2012 tại Hà Nội

Tài liệu tham khảo

- Lê Lâm (2013), “Vấn đề lãi suất và TCVM”, bài trình bày trong Hội thảo “Xác định lãi suất bền vững cho các tổ chức TCVM” do nhóm công tác TCVM tổ chức vào tháng 3/2012 tại Hà Nội.
- Nguyễn Đức Bình (2013), “Xác định lãi suất của M7-MFI”, bài trình bày trong Hội thảo “Xác định lãi suất bền vững cho các tổ chức TCVM” do nhóm công tác TCVM tổ chức vào tháng 3/2012 tại Hà Nội.
- Nguyễn Kim Anh & cộng sự (2012), *Phát triển TCVM ở khu vực nông nghiệp, nông thôn*, Đề tài khoa học cấp ngành, Mã số: KNH 2009-06.
- Nhóm hỗ trợ người nghèo của Ngân hàng Thế giới (2008), “*Lãi suất tín dụng vi mô*”, đăng trên <http://www.cgap.org/sites/default/files/CGAP-Brief-Variations-in-Microcredit-Interest-Rates-Jul-2008.pdf> và <http://www.cgap.org/publications/variations-microcredit-interest-rates>.